

CĂN CỨ ĐỊA Ở ĐỒNG THÁP MƯỜI TRƯỚC NĂM 1945

Đặng Hoàng Sang()*

1. Trải qua quá trình lịch sử lâu dài, Đồng Tháp Mười đã từng xuất hiện trong dân gian với nhiều giả thuyết và tên gọi khác nhau¹. Đây không phải là địa danh hành chính, mà là địa danh vùng, chỉ một khu vực rộng lớn không có ranh giới rõ ràng, được hình thành vào khoảng đầu thế kỷ XIX và nhanh chóng trở thành một trong những địa danh nổi tiếng trên phạm vi cả nước.

Cùng với vùng tứ giác Long Xuyên, Đồng Tháp Mười là một tiểu vùng địa lý tự nhiên mang tính đặc thù, thuộc hình thái cấu trúc thượng châu thổ của Đồng bằng sông Cửu Long².

Xét về vị trí địa lý, Đồng Tháp Mười nằm giữa kinh tuyến 105⁰12' và 106⁰30' Đông và giữa vĩ tuyến 10⁰15' và 11⁰00' Bắc, có diện tích khoảng 69.700 km², phía Bắc giáp biên giới Campuchia với đường ranh giới quốc gia dài 189,7 km (trong đó, phần tiếp giáp với tỉnh Long An dài 137,7 km và phần tiếp giáp với tỉnh Đồng Tháp dài 52 km)³, phía Tây và Nam giáp sông Tiền, phía Đông và Đông Bắc giáp lưu vực hữu ngạn sông Vàm Cỏ Đông. Theo đơn vị hành chính hiện nay, vùng này trải trên ba tỉnh: Long An (thị xã Kiến Tường, huyện Tân Hưng, Vĩnh Hưng, Mộc Hóa, Tân Thạnh, Thạnh Hóa, Đức Hòa và các xã phía Bắc huyện Thủ Thừa và Bến Lức); Đồng Tháp (thị xã Hồng Ngự, huyện Cao Lãnh, Tân Hồng, Tam Nông, Thanh Bình, Tháp Mười) và Tiền Giang (thị xã Cai Lậy, huyện Cái Bè, Tân Phước, khu vực phía Tây huyện Châu Thành).

Địa hình Đồng Tháp Mười là vùng trũng rộng lớn, được chia ra thành hàng ngàn mảnh bởi các con sông, rạch lớn nhỏ chảy ngang dọc chằng chịt do thiên nhiên và con người tạo nên. Mùa khô, đất nẻ chân chim, Đồng Tháp Mười nổi lên nhiều dôi, giong và người dân có thể đi lại trên dọc hai bên bờ kênh. Mùa mưa, nước từ thượng nguồn sông Mê Kông đổ về không kịp chảy ra biển, ứ lên tràn ngập mênh mông. Ở vùng trung tâm, nước dâng như biển, có nơi mực nước lên từ 2,5 đến 4m; chỉ có một phương tiện đi lại duy nhất là ghe, xuồng. Phủ lên

(*) Thạc sĩ, Trường THCS & THPT Trường Xuân, Huyện Thới Lai, TP. Cần Thơ. Email: dhsang1990@gmail.com

¹ Hiện nay, các nhà nghiên cứu chưa có sự thống nhất về nội dung và ý nghĩa của địa danh Đồng Tháp Mười. Đây đều có thể mang nội dung tháp “thứ mười”, “tháp mười tầng” hay “mười cái tháp” dhsang1990@gmail.com... Xem thêm Hội Khoa học Lịch sử tỉnh Đồng Tháp, *Đồng Tháp 300 năm*, Nxb. Trẻ, TP. Hồ Chí Minh, 2004, tr.40 – 50.

² Lê Bá Thảo, *Việt Nam: Lãnh thổ và các vùng địa lý*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 1998, tr.519.

³ Nguyễn Quới – Phan Văn Dốp, *Đồng Tháp Mười – Nghiên cứu và phát triển*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1999, tr.2-3.

toàn Đồng Tháp Mười là đung, bèo, sậy, năn, tranh, tràm, cỏ lác. Ngoài ra, Đồng Tháp Mười còn được mệnh danh là vùng “cứ điềm kiên cố nhất”⁴ của đất phèn, nên ruộng đất khai phá được phải trải qua thời gian rất dài mới thuận thực, năng suất rất thấp. Có thể nói, những định tính đặc trưng của vùng mà nổi bật lên là các yếu tố như: *nước – mura – lũ lụt – chua phèn* gây ảnh hưởng bất lợi đến đời sống sinh hoạt.

Tuy nhiên, bù lại ở Đồng Tháp Mười có nhiều cá tôm tự nhiên do mùa nước nổi hàng năm mang lại (được xem là “*ngư trường*” cá đồng), nên có nhiều thôn làng và vùng ven chuyên theo nghề khai thác cá. Tùy theo địa bàn và mùa nước lên hay khi nước rút, mà dân địa phương sáng chế ra công cụ và kỹ thuật đánh bắt khác nhau. Hoạt động khai thác và chế biến con cá chiếm gần hết thời gian trong năm của nông dân địa phương. Chính sinh hoạt khai thác cá ở Đồng Tháp Mười đã khoác lên cho vùng này một diện mạo văn hóa khá đặc biệt⁵.

2. Vào thời kỳ khẩn hoang, bằng công sức của nhiều thế hệ trong quá trình chinh phục thiên nhiên được lưu truyền qua những câu chuyện bắt sấu, đánh cạp, săn voi, phản ánh một quá trình khắc phục những trở lực của tự nhiên, những lưu dân đã dần dần biến vùng trũng hoang vu thành vùng đất có nhiều thành phần dân cư quần tụ về sinh sống và lập nghiệp. Cuộc sống gian nan và đầy nguy hiểm đó đã làm cho những lưu dân bình thường cũng trở nên can đảm và thiện chiến. Đây vừa là quá trình từng bước khẳng định chủ quyền lãnh thổ của mình trên vùng đất mới, vừa là những phẩm chất đặc biệt sẽ giúp họ trong tương lai có đủ sức mạnh biến nơi đây thành căn cứ trong cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm sau này.

Cuối thế kỷ XVIII, vùng Đồng Tháp Mười đã trở thành căn cứ ẩn náu của những cá nhân hay lực lượng đối lập với chính quyền. Năm 1775, chúa Nguyễn Phúc Thuận bị quân Trịnh rời Tây Sơn tấn công bỏ chạy vào Nam. Từ năm 1776, đường sông từ Bến Lức qua Rạch Chanh về Ba Giồng (Tiền Giang) từng nhiều lần trở thành đường rút quân của Nguyễn Phúc Thuận và Nguyễn Ánh khi bị quân Tây Sơn đánh bại; còn các thôn Mỹ Trang, Tân Lý Tây (phía Nam Đồng Tháp Mười) đã là căn cứ với những thành lũy của các lực lượng chống Tây Sơn.

Sau khi quân Nguyễn bị Nguyễn Lữ đánh tan và chiếm được Sài Gòn vào tháng 2/1776, chúa Nguyễn sai Đỗ Thanh Nhân (Nhơn) truyền hịch mộ quân cần vương ở các đạo, quân số lên đến 3.000. Tháng 5/1776, Đỗ Thanh Nhân

⁴ Võ Trần Nhã (Chủ biên), *Lịch sử Đồng Tháp Mười*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, TP. Hồ Chí Minh, 1993, tr.448.

⁵ Xem thêm Nguyễn Hữu Hiếu, *Nghề cá ở Đồng Tháp Mười năm xưa*, Nxb. Văn học, Hà Nội & Hội Văn học nghệ thuật Đồng Tháp, 2010, tr.5.

(Nhơn) tự xưng là Đông Sơn Thượng tướng quân, lấy vùng Ba Giồng làm căn cứ rồi kéo đến đánh úp Nguyễn Lữ và chiếm được Sài Gòn.

Tháng 3/1781, Đỗ Thanh Nhân (Nhơn) bị Nguyễn Ánh lập mưu giết chết. Bởi vì “luôn cậy mình có công mà có ý vượt quyền, lòng kiêu ngạo, quyền sinh quyền sát trong tay lại có âm mưu làm phản”⁶. Sau sự kiện này, khá nhiều thuộc tướng, quân lính đã trốn đi và cũng chọn Ba Giồng làm căn cứ để chống lại Nguyễn Ánh.

Nửa sau thế kỷ XIX, căn cứ Ba Giồng tiếp tục được Thiên hộ Võ Duy Dương đóng đại bản doanh ở thôn Bình Cách, cùng với Nguyễn Hữu Huân lãnh đạo kháng chiến chống thực dân Pháp từ sau Hiệp ước Nhâm Tuất năm 1862. “Từ đây hai ông chỉ huy nghĩa quân huy động nhân dân thiết lập hệ thống đồn lũy trên khu vực đất Ba Giồng (từ Bình Cách qua Mỹ Quý, Thuộc Nhiều đến Cai Lậy, Cái Bè). Các gò cao, các cửa sông trọng yếu đều có xây đồn đắp cản”⁷. Gò Cát, Giồng Phèn, vàm Cái Thia và kênh Cây Gáo là các vị trí quan trọng đều có nghĩa quân đóng đồn cố thủ. Sau nửa năm xây dựng, cùng với căn cứ Tân Hòa (Gò Công) của Trương Định, lực lượng nghĩa quân ở căn cứ Ba Giồng được gia tăng và là hai gọng kìm liên hệ phối hợp nhau chặt chẽ, sẵn sàng bóp nghẹt lực lượng chung trong tỉnh Định Tường của Pháp.

Tại đây, nghĩa quân Võ Duy Dương có nhiều trận tập kích quân giặc, đặc biệt là trận đánh đồng loạt các đồn ở Rạch Tra, Long Thành, Thuộc Nhiều,... vào đêm 17 rạng sáng 18/12/1862, gây cho Pháp nhiều thiệt hại. Đến ngày 20/4/1863, quân Pháp lại tấn công nghĩa quân lần thứ ba (hai lần trước là vào tháng 11/1861 và ngày 16/1/1863), lúc này quân khởi nghĩa mới thật sự bị đánh bật ra khỏi Bình Cách, cùng 30 nghĩa quân còn lại rút về Xoài Tư, một trong ba cửa ngõ vào Đồng Tháp Mười.

Tháng 7/1864, Thủ Khoa Huân bị Tổng đốc An Giang là Phan Khắc Thận bắt giao cho Pháp. Đến ngày 20/8/1864, Trương Định bị Huỳnh Công Tấn phản bội, nên hy sinh ở Gò Công. Trước những mất mát to lớn này, Võ Duy Dương quyết định rút vào Đồng Tháp Mười và nơi đây sau đó trở thành trung tâm kháng chiến mới trong những năm 1864 – 1866.

Chọn Đồng Tháp Mười làm căn cứ là một bước tiến quan trọng trong quá trình lãnh đạo kháng chiến của Võ Duy Dương. Lợi dụng địa hình mênh mông, nhiều tràm, lau sậy và đường giao thông không có, nghĩa quân rất thuận lợi cho chiến tranh du kích ở thế công lẫn thế thủ. Tại đây, Võ Duy Dương đặt tổng hành dinh tại gò Tháp Mười và lập một hệ thống phòng thủ gồm đồn Tả, đồn

⁶ Trần Thị Vinh (Chủ biên), *Lịch sử Việt Nam, Tập 4: Từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XVIII*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2013, tr.350.

⁷ Nguyễn Hữu Hiếu (Chủ biên), *Võ Duy Dương với Đồng Tháp Mười*, Nxb. Trẻ, TP. Hồ Chí Minh, 2005, tr.90.

Hữu, đồn Tiền án ngũ ba con đường đi từ gò Bắc Chiên (Mộc Hóa), Cần Lố (Cao Lãnh) và rạch Cái Nứa (Cái Bè) vào gò Tháp Mười. Mỗi đồn có từ 200 đến 300 nghĩa quân, 10 khẩu súng và 4 – 5 chục thớt súng bắn đá, vài khẩu đại bác⁸, có lũy cao bao bọc. Có thể nói, chọn Đồng Tháp Mười làm căn cứ kháng chiến cho thấy Võ Duy Dương là một lãnh tụ nghĩa quân có tầm nhìn chiến lược, một nhà quân sự tài ba.

Võ Duy Dương còn liên kết chiến đấu với các lực lượng kháng chiến ở những vùng chung quanh, khiến cho Đồng Tháp Mười tuy còn hoang vu, được khai phá muộn hơn rất nhiều so với các khu vực khác đã trở thành gấn bó hơn bao giờ hết với vận mệnh của Nam Kỳ và cả nước. Mặc dù biết là căn cứ của quân khởi nghĩa, nhưng cho đến đầu năm 1866, giặc Pháp vẫn chưa thể xâm nhập được vào vùng này. Trong khi đó, nghĩa quân từ căn cứ tiến ra tập kích Pháp, gây cho chúng bất ngờ và thiệt hại đáng kể. Đến tháng 4/1866, quân Pháp bắt đầu tấn công vào trung tâm Đồng Tháp Mười với ba mũi giáp công xuất phát từ Cần Lố, Mỹ Tho và Tân An. Trước sự áp đảo về vũ khí hiện đại, quân Pháp chiếm được các đồn chính. Để bảo toàn lực lượng chờ thời cơ mới, Thiên Hộ Dương đã dẫn nghĩa quân còn lại rút khỏi căn cứ Đồng Tháp Mười; Đốc Binh Kiều ở lại cản hậu, bảo đảm an toàn cho nghĩa quân rút lui. Đốc Binh Kiều đánh trả quyết liệt và cuối cùng hy sinh anh dũng.

Sau khi ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ rơi vào tay Pháp (1867), Đồng Tháp Mười tuy không còn là trung tâm lãnh đạo kháng chiến, nhưng ở vùng ven vẫn có căn cứ của các lực lượng yêu nước chống Pháp tiếp diễn trong nhiều năm sau đó. Từ năm 1872 – 1875, Thủ khoa Nguyễn Hữu Huân thủ lĩnh khởi nghĩa vùng Tân An – Mỹ Tho cùng Âu Dương Lân tập hợp nghĩa quân nổi dậy lần thứ ba, quy tụ tới 3.000 người. Trước đó, Thủ khoa Huân đã hai lần đứng lên khởi nghĩa chống Pháp ở Định Tường vào các năm 1859 – 1862 và 1863 – 1864. Mặc dù vậy, so sánh tương quan lực lượng ngày càng nghiêng về thực dân Pháp, cuối cùng Nguyễn Hữu Huân bị giặc bắt và tử hình ngày 19/5/1875.

Cuối năm 1870, 150 nghĩa quân dưới sự chỉ huy của Nguyễn Soái Thân đã tập kích quân Pháp ở đồn Cai Lậy và tới năm 1878, với hoạt động của các thủ lĩnh Lê Văn Ong, Nguyễn Văn Khả, phong trào vũ trang chống Pháp vẫn còn khá sôi nổi ở khu vực Cao Lãnh, Cái Bè – vùng ven của Đồng Tháp Mười.

Năm 1940, Đồng Tháp Mười lại sôi động, bởi sự chuẩn bị khẩn trương cho cuộc khởi nghĩa tại các địa phương trong vùng. Ở Mỹ Tho, Tỉnh ủy quyết định chọn vùng rừng Ba U, toàn cây tràm, măng, lác rậm rạp, thuộc làng Tân Lý Đông (Châu Thành) làm căn cứ cách mạng của tỉnh. Vùng này giáp ranh ba làng

⁸ Nguyễn Hiến Lê, *Bảy ngày trong Đồng Tháp Mười*, Nxb. Long An, Long An, 1989, tr.45.

Long Định, Tam Hiệp, Tân Lý Đông, kế cận Đồng Tháp Mười rộng mênh mông. Ở các quận cũng chọn những nơi có cơ sở, phong trào mạnh làm căn cứ như Bắc Châu Thành (Châu Thành); Bắc Cai Lậy (vùng rừng tràm Tân Hòa, giáp Mỹ Hạnh Đông); Bắc Cái Bè (Hậu Mỹ, Phụng Thót do đồng chí Lê Thị Kim Chi xây dựng căn cứ từ những năm 1936 – 1938);... Xét về mặt vị trí địa lí, những căn cứ này đều gần với căn cứ của tỉnh và kề sát với Đồng Tháp Mười⁹. Tuy nhiên, do bị lộ nên cuộc khởi nghĩa ở Mỹ Tho nhanh chóng thất bại.

Ở Tân An tính đến cuối năm 1940, thực dân Pháp bắt 261 người, không kể số người chúng đã bắn chết tại chỗ. Trước tình hình địch khủng bố gay gắt, tháng 1/1941, đồng chí Phan Văn Khỏe được bầu làm Bí thư Xứ ủy, quyết định xây dựng căn cứ Mốp Xanh để đối phó với sự khủng bố của địch. Đây là vùng căn cứ tiếp giáp Đồng Tháp Mười, bao gồm các xã Thạnh Lợi, Bình Thành và Bình Hòa rộng 35 km, dài 70 km nằm giữa hai sông Vàm Cỏ Đông và Vàm Cỏ Tây và từ biên giới Việt Nam – Campuchia đến kênh Dây Thép (kênh đào từ ngã tư Bo Bo đến rạch Ba Vòn – Vàm Cỏ Đông). “Dọc kênh Bo Bo hình thành một vùng du kích, trải rộng qua 11 xã giữa Đồng Tháp Mười, hơn 150 chiến sĩ du kích đã quy tụ về đây”¹⁰.

Sau khởi nghĩa Nam Kỳ thất bại, lực lượng khởi nghĩa ở Tân An, Sa Đéc và Mỹ Tho đã rút về đây để hình thành nhiều lõm du kích. Ở phía Tây của Đồng Tháp Mười có lực lượng nghĩa quân của tỉnh Sa Đéc, phía Nam Đồng Tháp Mười có các lực lượng nghĩa quân quận Châu Thành, Cai Lậy của tỉnh Mỹ Tho.

Sau khi rút về Đồng Tháp Mười, Xứ ủy chủ trương củng cố và tăng cường xây dựng căn cứ. Theo đó, lực lượng vũ trang được thống nhất do đồng chí Lưu Dự Châu trong Ban khởi nghĩa tỉnh Tân An làm chỉ huy trưởng. Đảng bộ khu căn cứ tổ chức sắp xếp lại các chi bộ, ra tờ báo *Dân cày*, tổ chức học tập chính trị, thông báo tin tức và in truyền đơn. Nhiều tài liệu quan trọng của Xứ ủy và Trung ương; dụng cụ in ấn, sách báo, đồ dùng sản xuất vũ khí,... được chuyển về căn cứ an toàn. Đồng thời, hình thành xưởng chế tạo vũ khí thô sơ như dao găm, giáo, mác, lựu đạn vỏ sắt tây, mìn vỏ xi măng. Về sau, chế tạo được “súng vôi siêu” có sức uy hiếp địch do tiếng nổ to.

Có thể nói, ngoài thực hiện nhiệm vụ tập trung lực lượng nghĩa quân của nhiều tỉnh để đối phó với sự khủng bố của địch sau khởi nghĩa Nam Kỳ, căn cứ Mốp Xanh là cơ sở quan trọng để hình thành căn cứ địa Đồng Tháp Mười trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp sau năm 1945.

⁹ Hội đồng chỉ đạo biên soạn Lịch sử khởi nghĩa Nam Kỳ, *Lịch sử khởi nghĩa Nam Kỳ*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.223.

¹⁰ Đoàn Minh Huân – Nguyễn Ngọc Hà (Đồng chủ biên), *Vùng đất Nam bộ, Tập V: Từ năm 1859 đến năm 1945*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2017, tr.465.

Để đối phó lại, ngày 26/2/1941, Pháp lấy đất Bình Hòa để thành lập một quận đặc biệt do tri phủ Nguyễn Văn Hoài (chủ quận Châu Thành – Tân An) phụ trách, chống nghĩa quân còn trụ lại ở căn cứ Đồng Tháp Mười. Chúng tiến hành khủng bố ác liệt, nên khoảng tháng 3/1941, Bí thư tỉnh Tân An Trần Trung Tam cùng một số đồng chí chủ trương phân tán lực lượng chiến đấu¹¹. Từ năm 1942 cho đến sự kiện Nhật đảo chính Pháp (9/3/1945), lực lượng cách mạng vẫn bám trụ căn cứ Đồng Tháp Mười, mặc dù địch càn quét liên tục và gắt gao.

3. Với vị trí địa hình chiến lược, ngay từ “*thế kỷ của chiến tranh nông dân*”, Đồng Tháp Mười trở thành căn cứ cho các lực lượng đối lập chính trị đứng chân. Đặc biệt, từ nửa sau thế kỷ XIX đến trước năm 1945, những “*dân ấp, dân lân, mến nghĩa làm quân chiêu mộ*”¹² đã biến Đồng Tháp Mười trở thành một trung tâm hội tụ nghĩa sĩ yêu nước và các lực lượng cách mạng trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Từ các căn cứ trong vùng, cuộc chiến đấu của nhân dân Đồng Tháp Mười dưới sự lãnh đạo của các lực lượng yêu nước đã làm cho quân Pháp phải thất điên bát đảo. Đúng như Pallu de la Barrière nhận xét: “Thực tế đâu đâu cũng là trung tâm kháng chiến. Cuộc kháng chiến có cơ sở và hệ thống khắp nơi. Có thể nói rằng hễ có người Việt Nam thì có bấy nhiêu trung tâm kháng chiến. Đúng hơn là phải xem mỗi người nông dân đang bó lúa là một trung tâm kháng chiến”¹³.

Tóm lại, truyền thống xây dựng căn cứ địa ở vùng Đồng Tháp Mười trước năm 1945 của tiền nhân đã để lại nhiều bài học quý báu về “*thiên thời, địa lợi, nhân hòa*” cho sự hình thành căn cứ địa cách mạng trong cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc sau này.

¹¹ Hội đồng chỉ đạo biên soạn Lịch sử khởi nghĩa Nam Kỳ, *Lịch sử khởi nghĩa Nam Kỳ*, Sdd, tr.439.

¹² Chu Thiên – Đặng Huy Vận – Nguyễn Bình Khôi, *Thơ văn yêu nước nửa sau thế kỷ XIX (1858 – 1900)*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1976, tr.52.

¹³ Dẫn theo Nguyễn Phan Quang, *Việt Nam thế kỷ XIX (1802 – 1884)*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, TP. Hồ Chí Minh, 2002, tr.277.